

BIỂU SỐ LƯỢNG CÁN BỘ PHƯỜNG; SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ, THỊ TRẤN;
SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH 33/2023/NĐ-CP NGÀY 10/6/2023 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Tờ trình của UBND Thành phố)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Số lượng cán bộ phường; số lượng cán bộ, công chức xã, thị trấn giao năm 2024		Giao bảo lưu do sắp xếp đơn vị hành chính	Số lượng người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn giao năm 2024		
			Trong đó			Tổng số	Trong đó	
			Số cán bộ phường; số lượng cán bộ, công chức xã, thị trấn đề nghị giao theo phân loại đơn vị hành chính	Số công chức xã, thị trấn đề nghị giao tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP			Số người hoạt động không chuyên trách cấp xã giao theo phân loại đơn vị hành chính	Số người hoạt động KCT cấp xã giao tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP
	Tổng cộng:	9 688	9 379	303	6	8 037	7 490	547
1	Quận Ba Đình	84	84			196	192	4
2	Quận Hoàn Kiếm	108	108			253	252	1
3	Quận Đống Đa	126	126			294	286	8
4	Quận Hai Bà Trưng	108	108			251	242	9
5	Quận Nam Từ Liêm	60	60			160	140	20
6	Quận Bắc Từ Liêm	78	78			210	178	32
7	Quận Cầu Giấy	48	48			144	112	32
8	Quận Long Biên	84	84			215	194	21
9	Quận Hoàng Mai	84	84			237	196	41
10	Quận Tây Hồ	48	48			123	112	11
11	Quận Thanh Xuân	66	66			174	154	20
12	Quận Hà Đông	102	102			271	236	35
13	Thị xã Sơn Tây	188	184	4		196	182	14
14	Huyện Thanh Trì	378	340	38		250	212	38
15	Huyện Gia Lâm	492	466	26		316	290	26
16	Huyện Đông Anh	565	518	47		373	326	47
17	Huyện Sóc Sơn	572	542	30		364	334	30
18	Huyện Ba Vì	666	640	26		418	392	26

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Số lượng cán bộ phường; số lượng cán bộ, công chức xã, thị trấn giao năm 2024		Giao bảo lưu do sắp xếp đơn vị hành chính	Số lượng người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn giao năm 2024		
			Trong đó			Tổng số	Trong đó	
			Số cán bộ phường; số lượng cán bộ, công chức xã, thị trấn đề nghị giao theo phân loại đơn vị hành chính	Số công chức xã, thị trấn đề nghị giao tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP			Số người hoạt động không chuyên trách cấp xã giao theo phân loại đơn vị hành chính	Số người hoạt động KCT cấp xã giao tăng thêm theo quy mô dân số quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP
19	Huyện Phúc Thọ	432	422	5	5	259	254	5
20	Huyện Quốc Oai	438	428	10		270	260	10
21	Huyện Thạch Thất	479	470	9		295	286	9
22	Huyện Đan Phượng	334	326	8		206	198	8
23	Huyện Hoài Đức	436	414	22		276	254	22
24	Huyện Chương Mỹ	687	668	19		431	412	19
25	Huyện Ứng Hòa	583	578	5		351	346	5
26	Huyện Thanh Oai	447	434	13		279	266	13
27	Huyện Thường Tín	585	580	5		353	348	5
28	Huyện Phú Xuyên	550	547	2	1	332	330	2
29	Huyện Mỹ Đức	455	446	9		279	270	9
30	Huyện Mê Linh	405	380	25		261	236	25